

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2019/DS-ST

Ngày: 27-9-2019

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài
sản và hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Phụng;

Ông Nguyễn Công Lập.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thân Thị Trang Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hào – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 118/2019/TLST-DS, ngày 17 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2019/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy N, sinh năm 1964; nơi ĐKKHKT: D09 Lầu 16, Chung cư K, phường P, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: Tổ 14, ấp TH, xã TĐ, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1985; nơi cư trú: Tổ 2, ấp H, xã TH, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16 tháng 4 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy N trình bày:

Bà với ông Lê Phước T là vợ chồng và là chủ cơ sở kinh doanh bán vật liệu xây dựng PT, có địa chỉ tại khu phố 1, thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Vào ngày 21-7-2017 bà có bán vật liệu, vật tư xây dựng cho chị Nguyễn Thị Thùy L, đồng thời cũng cho chị L vay tiền trả tiền công xây dựng nhà trọ và nhà ở xây dựng tại địa bàn xã TH, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, tổng cộng chị

L nợ bà số tiền 1.083.248.000 đồng và chị L vay tiền tại Ngân hàng TMCP Kiên Long trả cho bà được số tiền 500.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 583.248.000 đồng.

Sau đó, bà tiếp tục đầu tư vật liệu, vật tư xây dựng, đồng thời cho chị Nguyễn Thị Thùy L vay tiền cho đến ngày 11-3-2019 thì bà và chị L tổng cộng lại thì chị L còn nợ bà số tiền 3.251.449.000 đồng; trong đó gồm: Tiền đầu tư vật liệu, vật tư xây dựng nhà trọ và nhà ở là 685.935.000 đồng; tiền vật liệu, vật tư xây dựng quán cà phê 42.110.000 đồng; tiền chị L vay để mua đất tại huyện Trảng Bàng là 2.221.710.000 đồng; tiền trả lãi suất từng kỳ nợ, tổng cộng từ ngày 21-7-2017 đến ngày 11-3-2019 là 301.694.000 đồng. Tất cả số tiền này chị L có ký nhận nợ và hứa sẽ trả trong thời hạn 01 tháng từ ngày 11-3-2019 đến ngày 11-4-2019.

Từ ngày 12-3-2019 đến ngày 09-4-2019 bà tiếp tục đầu tư vật liệu, vật tư xây dựng cho chị L xây dựng quán cà phê tại địa bàn xã TH số tiền 126.975.000 đồng, chị L cũng hứa đến ngày 11-4-2019 trả cùng số tiền nợ trước nhưng cho đến nay chị L không trả cho bà số tiền nợ gốc, nhưng tiền lãi đã trả xong. Do đó nay bà yêu cầu một mình chị L trả cho bà số tiền 3.378.424.000 đồng và yêu cầu tính tiền lãi suất sau khi xét xử xong cho đến khi trả xong tiền nợ trên với mức lãi suất 1,16%/tháng. Khi đầu tư và cho vay đến nay chị L không thể chấp tài sản gì cho cho bà cả.

Trong quá trình giải quyết vụ án do chị Nguyễn Thị Thùy L đã được tòa án triệu tập hợp lệ để giải quyết vụ án và tham dự phiên tòa nhưng chị L vắng mặt không có lý do nên không có ý trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thùy N.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện các thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Chị Nguyễn Thị Thùy L là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt chị L là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được Thẩm phán công khai khi giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa thì yêu cầu trả tiền mua vật liệu, vật tư xây dựng và tiền vay của bà Nguyễn Thị Thùy L là có cơ sở chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 430, 440, 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thùy N đối với chị Nguyễn Thị Thùy L về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và hợp đồng vay tài

sản. Buộc chị Nguyễn Thị Thùy L có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thùy N số tiền 3.378.424.000 đồng, ghi nhận bà N không yêu cầu tính tiền lãi đến khi xét xử sơ thẩm.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thùy L phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thùy L là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị L.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thùy N yêu chị Nguyễn Thị Thùy L trả số tiền 3.378.424.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Khi nộp đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Thùy N cung cấp chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình gồm 01 giấy hẹn nợ không ghi ngày tháng năm thể hiện nội dung “*Nguyễn Thị Thùy L nợ tiền mua vật liệu xây dựng của cửa hàng vật liệu xây dựng PT số tiền 3.251.449.000 đồng, hẹn từ ngày 11-3-2019 đến ngày 11-4-2019 sẽ thanh toán hết số nợ..... người hẹn nợ Nguyễn Thị Thùy L ký tên và điểm chỉ dấu vân tay*” tại bút lục số 33; ngoài ra, bà N còn cung cấp cho Tòa án chứng cứ là 02 quyển sổ phiếu giao hàng của cửa hàng vật liệu xây dựng PT thể hiện nội dung nhiều lần giao vật liệu, vật tư xây dựng cho chị L có chữ ký của chị L bên mục “*Người nhận*” tại các bút lục từ số 35 đến số 138, các chứng cứ này cũng đã được Tòa án công khai nhưng chị Nguyễn Thị Thùy L không có ý kiến nên căn cứ Điều 91 và Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là chứng cứ hợp pháp dùng để giải quyết vụ án.

[2.2] Tại phiên tòa, bà N trình bày: Sau khi hai bên chốt nợ và thực hiện việc mua bán cho đến nay, chị L không thực hiện nghĩa vụ trả tiền như đã thỏa thuận, bà có yêu cầu nhiều lần nhưng chị L cố tình tránh né mà không thực hiện. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng liên quan đến vụ án cho chị Nguyễn Thị Thùy L nhưng chị L không có ý kiến đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thùy N. Do đó Hội đồng xét xử xác định, chị Nguyễn Thị Thùy L có nợ bà Nguyễn Thị Thùy N số tiền 3.378.424.000 đồng theo các chứng cứ do bà N cung cấp nên yêu cầu của bà N là có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thùy N về tiền lãi: Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Thùy N không yêu cầu chị Nguyễn Thị Thùy L phải trả tiền lãi suất từ khi vi phạm nghĩa vụ mà chỉ yêu cầu chị L phải trả tiền lãi sau khi xét xử vụ án, với mức lãi suất 1,16%/tháng trên số tiền nợ 3.378.424.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, việc yêu cầu tính tiền lãi của bà N là sau khi kết thúc vụ án sơ thẩm; mặc khác, khi bà N với chị L thỏa thuận trả tiền nợ thì không thể hiện nội dung thỏa thuận tiền lãi. Do đó, yêu cầu của bà N được tính từ khi bản án có hiệu lực pháp

luật và có đơn yêu cầu thi hành án của bà theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị L không có ý kiến đối với yêu cầu của bà N nên phần lãi bà N với chị L thỏa thuận trước đó nên không xem xét giải quyết.

[2.4] Từ những phân tích trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thùy N đối với chị Nguyễn Thị Thùy L về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và hợp đồng vay tài sản. Buộc chị Nguyễn Thị Thùy L có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thùy N số tiền nợ 3.378.424.000 đồng, ghi nhận bà N không yêu cầu chị L trả lãi đến ngày xét xử sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thùy L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền được Tòa án chấp nhận theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 430, 440, 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thùy N đối với bà Nguyễn Thị Thùy L về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và hợp đồng vay tài sản. Buộc bà Nguyễn Thị Thùy L có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thùy N số tiền nợ 3.378.424.000 (ba tỷ, ba trăm bảy mươi tám triệu, bốn trăm hai mươi bốn nghìn) đồng. Ghi nhận bà Nguyễn Thị Thùy N không yêu cầu chị Nguyễn Thị Thùy L trả tiền lãi đến ngày xét xử sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thùy L phải chịu 99.568.000 (chín mươi chín triệu, năm trăm sáu mươi tám nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Thùy N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà Như số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 49.784.000 (bốn mươi chín triệu, bảy trăm tám mươi bốn nghìn) đồng tại biên lai thu số 0015258 ngày 17 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thùy N có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị Thùy L có quyền kháng cáo để

yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh (Phòng KT-NV);
- VKSND huyện Tân Châu;
- CC.THADS huyện Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thanh Quốc